**BÀI TẬP NHŨ TƯƠNG**

**(Phần 2)**

22. Tiêm tĩnh mạch chỉ dùng nhũ tương kiểu ....(A), tiêm tĩnh mạch liều lớn nhũ tương phải có kích thước tiểu phân nhỏ hơn ...(B) µm.

23. Nhược điểm chính của nhũ tương là ...

24. Nhũ tương dễ hình thành và bền vững khi hai pha lỏng không đồng tan trong thành phần của nhũ tương có tỷ trọng........

25. Chất nhũ hoá có khả năng ….(A) và quyết định .....(B) hình thành.

26. Khi điều chế nhũ tương, nếu hoà tan chất nhũ hoá vào trong nước, thường thu được nhũ tương kiểu.......(A), còn nếu hoà tan chất nhũ hoá vào dầu sẽ thu được nhũ tương kiểu....... (B).

27. Nhũ tương D/N dễ hình thành hơn khi thêm pha ...... (A) dần dần vào pha ...... (B)

28.  Để đánh giá chất lượng nhũ tương, các thông số sau được xác định:

A- Hình dạng và kích thước tiểu phân pha phân tán  
B- ...  
C- .... của môi trường phân tán và pha phân tán  
D- Thời gian phân huỷ và bán phân huỷ của nhũ tương

29. Sức căng bề mặt phân cách pha trong nhũ tương quyết định sự hình thành …..(A) của nhũ tương và ......(B) của các tiểu phân pha phân tán.

30. Các chất nhũ hoá rắn ởdạng hạt nhỏ là những chất rắn ....(A) trong nước và dầu dưới dạng bột rất mịn, kích thước phải …..(B) nhiều lần kích thước các tiểu phân pha phân tán.

31. Giá trị HLB là một con số cụ thể phản ánh mối tương quan giữa hai phần ...(A) và ...(B) trong một phần tử chất diện hoạt.

32. Đặc tính chung của các chất diện hoạt là có khả năng ….(A) trên bề mặt phân cách pha, làm thay đổi bản chất …..(B) của lớp bề mặt và làm giảm ......(C) bề mặt giữa 2 pha.

33. Các chất nhũ hoá thiên nhiên có bản chất là hydrat carbon là những chất có phân tử lượng …...(A), dễ hoà tan hoặc...(B) trong nước và còn được gọi là các chất...(C).

**• Phân biệt đúng sai**

34. Kiểu nhũ tương hình thành (D/N hoặc N/D) phụ thuộc chủ yếu vào bản chất và tỷ lệ

của các chất nhũ hoá trong hệ. Đ S

35. Các chất nhũ hoá dễ tan trong nước hoặc dễ thấm nước hơn đầu sẽ tạo kiểu

nhũ tương N/D. Đ S

36. Các chất nhũ hoá dễ hoà tan hoặc dễ thấm dầu hơn sẽ tạo nhũ tương kiểu N/D Đ S

37. Các nhũ tương dùng uống là dạng N/D Đ S

38. Các nhũ tương tiêm hoặc dùng ngoài có thể là dạng D/N hoặc N/D. Đ S

39. Nhũ tương loãng là nhũ tương mà nồng độ pha phân tán nhỏ hơn 20 % so với toàn hệ. Đ S

40. Nhũ tương đặc là nhũ tương có tỷ lệ pha phân tán trên 10% Đ S

41. Khi điều chế nhũ tương, nếu nồng độ pha phân tán nhỏ hơn 2% thì không cần

chất nhũ hoá. Đ S

42. Nhũ tương là những hệ phân tán cơ học vi dị thể, bền vững về mặt nhiệt động. Đ S

43. Để làm giảm sức căng bể mặt phân cách pha thường dùng các chất diện hoạt. Đ S

44. Nhũ tương càng bền khi độ nhớt của môi trường phân tán càng lớn. Đ S

45. Nhũ tương càng bền khi kích thước tiểu phân pha phân tán càng nhỏ và nồng độ

pha phân tán càng lớn. Đ S